TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS- ST
Ngày 06– 9 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Hồng
Ông Lộc Văn Quảng
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hứa Văn Nghiệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/TLST-HS, ngày 08/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST - HS, ngày 21/8/2018 đối bị cáo:

Ngọ Ngọc H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/3/1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 35, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọ Ngọc P và bà Trần Thị B; có vợ là Bùi Thị Vân A và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2018 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thu H (tức Phạm Thu L), sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ 3, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- *Người làm chứng:*
Bà Nguyễn Minh N, sinh năm 1977, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2017, Ngọ Ngọc H, sinh năm 1992, trú tại: Số 35, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn gọi điện thoại cho Nguyễn Minh N sinh năm 1977, trú tại: Số 9, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn hỏi vay tiền nhưng N không có nên giới thiệu H đến chỗ cháu của N là Phạm Thu H (Phạm Thu L),

sinh năm 1983, trú tại: Tổ 3, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để vay tiền. N đưa H đến gặp H và nói cho H biết H là cán bộ Công an thành phố L nên H đồng ý cho vay 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), khi vay tiền H đặt Giấy chứng minh Công an nhân dân (thẻ ngành) mang tên Ngọ Ngọc H cho H để làm tin, mấy ngày sau đúng hẹn H trả tiền cho H và lấy lại thẻ ngành. Đến ngày 08/11/2017, H gọi điện tiếp tục hỏi vay 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) thì H yêu cầu đưa lại thẻ ngành để làm tin, H đồng ý rồi đến nhà H viết giấy vay tiền, ký tên xác nhận, hẹn đến ngày 08/01/2018 sẽ trả, H đưa 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho H, do không mang theo thẻ ngành nên lấy giấy phép lái xe mang tên Ngọ Ngọc H (đã phôtô màu) và hẹn hôm sau mang thẻ đến, H đồng ý. Hôm sau, H mang thẻ ngành mang tên Ngọ Ngọc H đã phôtô màu đến đưa cho H như đã cam kết. Đến ngày 11/11/2017, H lại đến quán bán hàng của H ở cổng bến xe phía Bắc thuộc khối 1, thị trấn C, huyện C hỏi vay 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) hẹn đến 15/11/2017 sẽ trả. Do đã cầm giấy phép lái xe và thẻ ngành Công an của H nên H cho Hùng vay 12.000.000đồng, H viết giấy vay tiền có ký tên xác nhận. Tiếp tục trưa ngày 14/11/2017, H lại đến quán bán hàng gặp H hỏi vay 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và nói sẽ trả tiền trước 18 giờ cùng ngày và hẹn hôm sau (ngày 15/11/2017) sẽ trả nốt số tiền vay ngày 11/11/2017 nên H đồng ý cho vay, H viết giấy vay tiền có ký tên xác nhận. Đến tối cùng ngày, không thấy H trả tiền nên ngày 15/11/2017, H nhờ N đưa đến nhà H đòi tiền nhưng H không có tiền trả nên H yêu cầu H viết giấy tổng cộng 03 lần vay và tiền lãi, H viết giấy vay tiền tổng số 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/11/2017 sẽ trả tiền. Sau đó H không trả nên ngày chị H đã làm đơn trình báo tới Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại kết luận giám định số 47/KLGĐ-PC54, ngày 10/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Giấy chứng minh Công an nhân dân số 164-571 mang tên Ngọ Ngọc H, sinh năm 1992, cấp ngày 10/10/2016 là giấy giả; giấy phép lái xe số 12.000316, hạng B2, mang tên Ngọ Ngọc H, sinh năm 1992, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26/01/2017 là giấy giả.

Tại kết luận giám định số 67/KLGĐ-PC54, ngày 21/02/2018 và số 158/KLGĐ-PC54, ngày 16/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Giám định chữ viết tại các giấy vay tiền ghi ngày 08/11/2017, 11/11/2017, 14/11/2017 đều do Ngọ Ngọc H viết.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS, ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Ngọ Ngọc H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận do biết chị H tin tưởng bị cáo vì bị cáo là cán bộ Công an nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chị H vay tiền chị H nhiều lần, để tạo sự tin tưởng mỗi lần vay tiền bị cáo đều viết giấy cam kết và đặt thẻ ngành Công an, giấy phép lái xe cho chị H. Bị cáo thừa nhận được vay chị H 03 lần với tổng số tiền là 54.500.000 đồng (năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) để tiêu sài cá nhân đến nay không có khả năng chi trả. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là đúng, không oan, bị cáo biết bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận.

Bị hại chị Phạm Thu H xác nhận diễn biến sự việc như lời khai của bị cáo là đúng. Do tin tưởng bị cáo là cán bộ Công an và do chị N dẫn đến nên chị H đã cho bị cáo vay tiền.

Tổng cộng chị cho bị cáo vay 03 lần: lần 1 cho vay 20.000.000đồng, lần 2 vay 12.000.000đồng, lần 3 vay 22.500.000đồng, tổng cộng là 54.500.000 đồng. Đến hẹn trả nợ chị đã đến nhà bị cáo để đòi nhưng bị cáo cứ lần lữa không chịu trả. Do vậy chị đã làm đơn gửi đến Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đề nghị khởi tố vụ án. Đến nay bị cáo đã trả nợ cho chị đầy đủ. Chị đề nghị Tòa án xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngọ Ngọc H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 140; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Ngọ Ngọc H từ 24 tháng – 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 năm – 05 năm; về hình phạt bổ sung đề nghị không xử phạt tiền đối với bị cáo. Về bồi thường dân sự: Xác nhận bị cáo đã trả đủ tiền cho chị H. Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy giấy chứng minh công an nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Ngọ Ngọc H. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại chị Phạm Thu H, người làm chứng chị Nguyễn Minh N, phù hợp với kết luận giám định số 47/KLGĐ-PC54, ngày 10/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; kết luận giám định số 67/KLGĐ-PC54, ngày 21/02/2018 và kết luận số 158/KLGĐ-PC54, ngày 16/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngọ Ngọc H lợi dụng sự tin tưởng của chị Phạm Thu H vay chị H tổng cộng 54.500.000 đồng sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thu H. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 2, Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện vào tháng 11/2017 nên áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Hành vi của bị cáo gây ra đã xâm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất niềm tin và an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ hiểu biết pháp luật, nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như sau:

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo tự nguyện trả lại số tiền 54.500.000 đồng cho bị hại; bị

hại có đơn xin cho bị cáo cải tạo tại địa phương; bị cáo có mẹ đẻ là bà Trần Thị B được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên xác nhận bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Xét thấy bị cáo Ngọ Ngọc H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ (02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 46 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999); có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường dân sự: Bị hại chị Phạm Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 54.500.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử chỉ xác nhận bị cáo đã bồi thường xong.

[9] Về vật chứng: 01 giấy chứng minh Công an nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngọ Ngọc H là giấy tờ giả cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với chị Nguyễn Minh N là người dẫn bị cáo H đến vay tiền của chị H. Tuy nhiên, N không biết mục đích phạm tội của bị cáo nên không có cứ cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Minh N.

[12] Đối với đối tượng tên T bị cáo khai là người trực tiếp là giả giấy chứng minh nhân dân và giấp phép lái xe cho bị cáo nhưng không có họ tên địa chỉ cụ thể chỉ nên không có căn cứ xem xét.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 140; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngọ Ngọc H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Ngọ Ngọc H 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Ngọ Ngọc H.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) giấy chứng minh công an nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Ngọ Ngọc H được niêm phong trong 01 (một) phong bì.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/8/2018 giữa Công an huyện Cao Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Ngọ Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường C, thành phố L, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo (tống đạt);
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh